TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
SỐ: 159/2020/QĐST-HNGĐ	*N, Ngày 19 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 255/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/10/2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn B, sinh năm 1985.

Đơn vị công tác: Tiểu đoàn M, sư đoàn B, quân đoàn H.

Địa chỉ: Phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn S, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ thường trú: Thôn C, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: - Các điều 55, 81, 82, 83, 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Văn B và chị Nguyễn Thị V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về con chung:** Chị Nguyễn Thị V sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Bùi Nguyễn Hải N, sinh ngày 19/01/2013 cho đến khi cháu Hải N đủ 18 tuổi. Hiện cháu Hải N đang ở với chị V. Anh Bùi Văn B có trách nhiệm cấp có trách nhiệm cấp

dưỡng nuôi con chung số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 tháng, kể từ tháng 11/2020.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày chị V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh B không thi hành hết số tiền cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì hàng tháng anh B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

*** Về tài sản chung, công nợ chung, quyền sử dụng đất canh tác chung:** Các đương sự đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con chung:** Anh Bùi Văn B nhận nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh B đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000669 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh NB;*
- *VKSND huyện N;*
- *THADS huyện N;*
- *UBND xã Q;*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS./.*

THẨM PHÁN

(Đã ký)

PHẠM THANH TÙNG